TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/DS-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2022
V/v: *Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Định**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Thu Hà**.

2. Bà **Cao Thị Hồng Minh**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Thào Thị Thu Nhàn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 08/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/TLST-DS ngày 19/8/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 18/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-DS ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phùng Thị Đ**; địa chỉ: Số nhà AB, tổ dân phố YZ (nay là tổ dân phố XY), phường Mường Th, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn V;** địa chỉ: Số nhà BA, tổ dân phố ZY (nay là tổ dân phố YX), phường Thanh B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Xa Văn C**; địa chỉ: Tổ XX, tiểu khu B1, thị trấn Đà B2, huyện Đà B2, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị Đ trình bày*:**

Ngày 07/12/2019 (tức là ngày 12/11/2019 âm lịch), bà Đ có cho ông Trần Văn V thuê cốp pha thép định hình, giáo công nghiệp bao gồm: Loại cốp pha 40 x 2m là 88 tấm x 5.000 đồng/tấm/ngày; loại cốp pha 50 x 2m là 04 tấm x 5.000 đồng/tấm/ngày; 400 con sâu cài là 2.000.000 đồng. Giữa bà Đ và ông V có lập 01

Hợp đồng kinh tế ngày 12/11/2019 âm lịch (tức ngày 07/12/2019 dương lịch), theo Hợp đồng hai bên đã xác định trách nhiệm của các bên và cam kết chung, ông V đã đặt cọc cho bà Đ trước số tiền là 13.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết ông V có ý kiến cho rằng ông chỉ thuê hộ cốp pha cho ông Xa Văn C, bà Đ không nhất trí ý kiến này vì bà chỉ biết ông V thuê cốp pha và trực tiếp ký Hợp đồng với ông V, chứ không biết ông C nhờ ông V thuê cốp pha như thế nào. Còn trường hợp ông V có thiện chí trả tiền và tài sản thuê cho bà, bà sẽ tạo điều kiện để giảm tiền thuê cho ông V.

Số tiền thuê cốp pha ông V chưa trả cho bà Đ từ ngày 07/12/2019 đến ngày bà Đ làm đơn khởi kiện (ngày 09/8/2021) là 609 ngày x 5.000 đồng/tấm/ngày x 92 tấm = 280.140.000 đồng + 2.000.000 đồng tiền sâu cài. Tổng cộng số tiền là 282.140.000 đồng, đối trừ số tiền đã đặt cọc 13.000.000 đồng, còn lại số tiền chưa thanh toán là 269.140.000 đồng. Do vậy, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Hủy Hợp đồng kinh tế ngày 07/12/2019 giữa bà Phùng Thị Đ và ông Trần Văn V;

- Buộc ông V phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số cốp pha là thép định hình đã thuê bao gồm 88 tấm loại cốp pha 40 x 2m, 04 tấm loại cốp pha 50 x 2m và 400 con sâu cài.

- Buộc ông V phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền là 269.140.000 (*Hai trăm sáu mươi chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

Tại bản tự khai ngày 21/9/2021 và trong quá trình gải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết làm ăn với bà Đ từ trước nên ngày 07/12/2019, ông V có đến nhà bà Đ để thuê cốp pha hộ cho ông Xa Văn C - lúc đó là Giám đốc Công ty Cổ phần phát triển miền núi Tây B3. Lý do thuê hộ ông C là do ông C thời điểm đó đang làm công trình trong Huổi M, không trực tiếp ra thành phố Điện Biên P được và do ông C nhờ ông V đứng ra ký hợp đồng thuê hộ cho ông C. Việc ông V đến nhà bà Đ thuê cốp pha hộ cho ông C, bà Đ cũng biết sự việc này ngay từ đầu. Khi xong công trình, ông C sẽ ra trực tiếp ký lại hợp đồng với bà Đ để cho đúng bản chất về việc giao dịch.

Vì hợp đồng này là Công ty cổ phần phát triển miền núi Tây B3 thuê cốp pha của bà Đ làm trong công trình Huổi M, theo Hợp đồng kinh tế số 295 ngày 19/11/2019 về việc thi công cống vè kè giữa công ty Cổ phần phát triển miền núi Tây B3 ký hợp đồng nhà thầu phụ với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Huy H.

Sau khi ông V thuê cốp pha chỗ bà Đ hộ cho ông C, đến khoảng tháng sau, ông C có ra gặp bà Đ để thống nhất ký lại hợp đồng, thay thế hợp đồng giữa ông V đã ký với bà Đ cho đúng bản chất sự việc và cũng là để có hướng bàn về phương thức thanh toán giữa hai bên, nhưng bà Đ nói không cần ký lại, mặc dù ông C đã giải thích việc ký hợp đồng với bà Đ để đảm bảo việc trả nợ cho bà Đ, vì đến khi chuyển tiền trả cho bà Đ, ông C phải báo sang Công ty Huy H, kế toán sẽ làm chứng từ chuyển thẳng cho bà Đ. Ông C và bà Đ cũng đã thống nhất với nhau, cứ để hợp đồng đã ký và ông C sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Đ theo hợp đồng ông V đã ký thuê hộ cho ông C.

Sau thời gian nghỉ Tết nguyên đán năm 2020 hơn một tháng. Khoảng đầu tháng 3/2020, ông C đưa người lên làm tại công trình thì báo về cho ông V là do mưa gió, cốp pha làm kè chưa tháo nên bị đất sạt lở, cốp pha bị vùi lấp chỉ lấy được một số không đáng kể, máy móc moi lên cũng bị cong, vênh không còn sử dụng được. Lúc đó ông V có báo ngay cho bà Đ và cũng bàn với bà Đ xem có chỗ nào bán cốp pha cũ, đã qua sử dụng, tương đương như cốp pha của bà Đ, nếu được bà Đ chấp nhận lấy thì ông V sẽ thông báo với ông C mua lại để đền trả cho bà Đ, nhưng bà Đ không đồng ý. Bà Đ vẫn yêu cầu ông C phải trả tiền mấy tháng thuê và đòi cốp pha chỗ ông C. Ông C ra tết có lên công trình, sau đó về có gặp bà Đ và cùng thống nhất với nhau về việc trách nhiệm trả tiền cho nhau, hai bên cũng đã thống nhất và cũng làm việc với nhau nhiều lần.

Nay bà Đ yêu cầu ông V phải trả số tiền thuê cốt pha là 269.140.000 đồng và số cốt pha thép định hình đã thuê, ông V không đồng ý bởi vì: Ông V chỉ là người đi thuê hộ cho công ty ông C; ông C đã có cam kết trả nợ cho bà Đ và giữa ông C với bà Đ đã trao đổi nhiều lần để khất nợ nên ông Xa Văn C phải có trách nhiệm trả tiền thuê và tài sản thuê cho bà Đ.

Tại đơn đề nghị về việc thuê cốp pha ngày 05/10/2021, đơn trình bày và đề nghị ngày 31/10/2021 và ngày 15/02/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Xa Văn C có ý kiến:

Do điều kiện ở xa và sức khỏe của bản thân, ông C xin vắng mặt tại Tòa án và làm đơn trình bày ý kiến và giải trình những việc liên quan như sau:

Năm 2019, với tư cách là Giám đốc Công ty Cổ phần phát triển miền núi Tây B3, ông C có nhờ ông V thuê hộ số cốp pha của Đ để làm công trình tại xã Huổi M - Điện Biên. Trong thời gian thi công, do mưa lũ, sập tà luy nên số cốp pha bị vùi lấp và mất mát hết. Vì vậy, ông C đã đến trực tiếp gặp bà Đ để thương lượng và thay lại Hợp đồng để ông C thanh toán vào công trình, nhưng bà Đ không đồng ý.

Hiện nay, Công ty cổ phần phát triển miền núi Tây B3 đã có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, công ty không còn hoạt động. Với tư cách Nguyên giám đốc công ty, ông C xin chịu hoàn toàn khoản tiền ông V đang nợ bà Đ việc thuê cốt pha và số cốp pha thuê của bà Đ. Ông C xin được thương thảo với bà Đ cho ông được trả lại giá trị 88 tấm cốp pha, loại 40x2m và 04 tấn loại 50x2m, 400 con sâu cài và xin được bà Đ chấp thuận trả phần nào tiền thuê cốp pha. Ông C xin được vắng mặt trong buổi thương thảo với bà Đ, đề nghị bà Đ xem xét, nếu được chấp thuận, ông C cam kết trả cho bà Đ theo thỏa thuận, chậm nhất đến 31/12/2021.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Đ xin thay đổi một phần và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế ngày 07/12/2019 giữa bà Phùng Thị Đ và ông Trần Văn V.

- Yêu cầu ông V có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền thuê cốp pha còn nợ, sau khi đã đối trừ số tiền đặt cọc 13.000.000 đồng, tính từ ngày 07/12/2019 đến ngày 08/4/2022 là: (5.000 đồng x 88 tấm x 853 ngày + 5.000 đồng x 4 tấm x 853 ngày + 2.000.000 đồng tiền thuê 400 con sâu cài) - 13.000.000 đồng = 381.380.000 đồng.

- Rút yêu cầu buộc ông V phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số cốp pha là thép định hình đã thuê bao gồm 88 tấm, loại cốp pha 40 x 2m và 04 tấm, loại cốp pha 50 x 2m và 400 con sâu cài.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến bằng văn bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu: Ngày 10/8/2021, bà Phùng Thị Đ nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản", tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P đối với bị đơn ông Trần Văn V. Ngày 19/8/2021, bà Đ nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án; cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự *(Sau đây gọi tắt là BLTTDS năm 2015).*

Tại phiên tòa, bà Đ thay đổi yêu cầu từ Hủy hợp đồng dân sự thành chấm dứt hợp đồng dân sự; rút một phần yêu cầu buộc ông V có nghĩa vụ trả số cốp pha

là thép định hình gồm 88 tấm, loại cốp pha 40 x 2m và 04 tấm, loại cốp pha 50 x 2m và 400 con sâu cài. Việc nguyên đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015, HĐXX chấp nhận việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Đ.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Hợp đồng kinh tếngà y 07/12/2019 giữa bà Phùng Thị Đ và ông Trần Văn V cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bị đơn có địa chỉ thường trú tại thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên P thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

- Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông V có yêu cầu đưa ông Xa Văn C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy, để có căn cứ đánh giá và giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự, cần thiết đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Xa Văn C vào tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định tại Điều 48, 70 của BLTTDS năm 2015.

- Về sự vắng mặt của ông C - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia các phiên hòa giải nhưng vắng mặt, Ông C có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không có yêu cầu độc lập nhưng đã có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông V, ông C vắng mặt, Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục của pháp luật quy định và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V, ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

- Về hình thức và nội dung của Hợp đồng kinh tế ngà y 07/12/2019, thực chất là hợp đồng dân sự thuê tài sản quy định tại Điều 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có nội dung: Ông V thuê bà Đ 88 tấm cốp pha - Loại 2m x 40, 04 tấm cốp pha - Loại 2m x 50 và 400 con sâu ghép cốp pha; giá thuê cốp pha là 5.000 đồng/tấm/ngày, giá thuê 400 con sâu là 2.000.000 đồng; phương thức thanh toán: Bên thuê phải trả tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên cho thuê sau 30 ngày, kể từ ngày ký, nhận tài sản thuê. Bên thuê tài sản đặt cọc số tiền 13.000.000 đồng

làm cơ sở thanh toán khi thanh lý hợp đồng. Trách nhiệm của các bên và cam kết chung.

Hợp đồng dân sự thuê tài sản ký ngày 07/12/2019 giữa ông V và bà Đ có hiệu lực pháp luật, bởi lẽ: Các bên tham gia ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; ký kết hoàn toàn tự nguyện; nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự.

Quá trình giải quyết, bà Đ, ông V, ông C đều thống nhất về nội dung Hợp đồng dân sự thuê tài sản mà bà Đ và ông V đã ký ngày 07/12/2019.

Bà Đ cho rằng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V không thực hiện đúng theo thỏa thuận, không trả cho bà khoản tiền thuê tài sản và số tài sản đã nhận từ bên cho thuê, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông V vẫn không toán số tiền thuê tài sản, không thanh lý hợp đồng thuê và trả lại tài sản thuê cho bà nên bà khởi kiện tại tòa án yêu cầu ông V có nghĩa vụ trả số tiền thuê còn nợ sau khi đã đối trừ số tiền đặt cọc, tính từ ngày 07/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm cho bà.

Ông V và ông C thống nhất cho rằng: Do ông V có mối quan hệ quen biết làm ăn với bà Đ nên ngày 07/12/2019, ông V có thuê cốp pha của bà Đ hộ cho ông C - Lúc này là Giám đốc Công ty Cổ phần phát triển miền núi Tây B3, và do ông C thời điểm đó đang làm công trình trong Huổi M, không trực tiếp ra thành phố Điện Biên P được. Ông Công nhờ ông V đứng ra ký hợp đồng và thuê hộ cho ông C. Việc ông V thuê cốp pha hộ ông C, bà Đ cũng biết. Sau khi ông V thuê hộ cốp pha cho ông C, ông C có gặp bà Đ đặt vấn đề thống nhất ký lại hợp đồng thay thế hợp đồng giữa ông V đã ký với bà Đ nhưng bà Đ không đồng ý. Trong thời gian thi công công trình, do mưa gió, cốp pha làm kè chưa tháo lên nên đất bị sạt lở, cốp pha bị vùi lấp, còn lại một số không đáng kể. Ông V đã báo cho bà Đ biết sự việc và bàn với bà Đ để tìm phương án giải quyết nhưng bà Đ không đồng ý.

- Ý kiến của ông V: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, ông V yêu cầu ông C phải có trách nhiệm trả tiền thuê và tài sản đã thuê cho bà Đ.

- Ý kiến của ông C: Nhất trí với ý kiến của ông V, ông xin trả phần nào tiền thuê cốt pha và con sâu cài cho bà Đ và xin được thương thảo với bà Đ trả lại giá trị 88 tấm cốt pha, loại 40 x 2m và 04 tấm loại 50 x 2m và 400 con sâu cài.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Đ và ông V khi tham gia ký kết hợp đồng dân sự nêu trên đều là người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện; nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng theo

quy định của pháp luật dân sự, vì vậy đều phải có nghĩa vụ thực hiện nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bên thuê tài sản không trả tiền thuê theo thỏa thuận và không thực hiện cam kết của bên thuê tài sản là vi phạm nghĩa vụ của bên thuê tài sản, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Đào có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 472, 473, 474, 476, 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn, cụ thể:

Chấm dứt Hợp đồng kinh tế đề ngày ngày 07/12/2019 giữa bà Phùng Thị Đ và ông Trần Văn V.

Buộc ông Trần Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Phùng Thị Đ số tiền thuê cốp pha và con sâu cài theo thỏa thuận của Hợp đồng mà hai bên đã ký còn thiếu, sau khi đối trừ số tiền đặt cọc 13.000.000 đồng, tính từ ngày 07/12/2019 đến ngày 08/4/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 381.380.000 đồng.

Việc ông Trần Văn V thuê cốp pha hộ ông Xa Văn C, ông V có quyền khởi kiện ông C bằng một vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định khi có yêu cầu.

Bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu của bà là tự nguyện. Căn cứ Điều 217, 218 và khoản 2 Điều 244 của BLTTDS năm 2015, HĐXX đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện buộc ông V phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số cốp pha là thép định hình đã thuê gồm 88 tấm, loại cốp pha 40 x 2m và 04 tấm, loại cốp pha 50 x 2m và 400 con sâu cài. Bà Đ có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch đối với số tiền 381.380.000 đồng, cụ thể: 381.380.000 đồng x 5% = 19.069.000 đồng.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, 218 và khoản 1, 2 Điều 244; 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 472, 473, 474, 476, 481; Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Đào, cụ thể:

- Chấm dứt Hợp đồng kinh tế ngày 07/12/2019 giưa bà Phùng Thị Đ và ông Trần Văn V kể từ ngày 08/4/2022.

- Buộc ông Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho bà Phùng Thị Đ số tiền 381.380.000 (*Ba trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành như án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Đ về việc buộc anh Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số cốp pha là thép định hình đã thuê bao gồm 88 tấm (Loại cốp pha 40 x 2m) và 04 tấm (Loại cốp pha 50 x 2m) và 400 con sâu cài. Bà Đ có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn V phải chịu 19.069.000 (*Mười chín triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch.

- Trả lại bà Phùng Thị Đ số tiền 7.028.500 (*Bẩy triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000585 ngày 19/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đ